TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: .
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.
1. Ông Nguyễn Phỉ Đính.2. Bà Hoàng Thị Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Mai Văn Th (tên gọi khác: Lê Văn H); sinh ngày 20/10/1997; nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Thợ thạch cao; trình độ học vấn lớp: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H và bà Hồ Thị Th; vợ: Nguyễn Thị Ng; con: Có 02 con; con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 31/10/2020, ngày 01/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Buôn P, xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Bà Châu Thị H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Chị Tống Thị Thanh Th, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khối Z, thị trấn X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Anh Trần Thanh Tr, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

6. Anh Ung Văn L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

7. Anh Trần Minh V, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

8. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Buôn M1, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Buôn M2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Chị Thái Thị Mỹ H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khối X, thị trấn Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Anh Vũ Ngọc D, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Z, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Bà Cao Thị Ngọc L, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn V, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Chị Tô Thị T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn B, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

6. Ông Hồ Đình G, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn A, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn C, xã E2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

8. Bà Bùi Thị G, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn D, xã E3, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

9. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N, xã E1, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

10. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Bà Ngô Thị H; Nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

13. Anh Mai Văn M, sinh 1997; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2020, bị cáo Mai Văn Th (tên thường gọi Lê Văn H) làm nghề trần thạch cao ở thành phố Hà Nội. Do thời gian này xảy ra dịch bệnh COVID 19, ít việc làm nên bị cáo về nhà phụ giúp gia đình. Thời gian này bị cáo nảy sinh ý định giả danh cán bộ Cục quản lý thị trường, cán bộ phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Đắk Lắk để gọi điện đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thông báo sắp có đoàn kiểm tra, nếu kiểm tra thì được sự giúp đỡ của đoàn kiểm tra để các chủ cơ sở kinh doanh muốn không bị kiểm tra thì phải đưa tiền cho bị cáo Th bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ở ngân hàng. Sau đó bị cáo sử dụng 04 sim điện thoại không đăng ký chính chủ, gồm các số sau: 0988491316, 0972394012, 0911469282, 0911779575 rồi bị cáo Th tra cứu trên mạng Google để tìm kiếm, lấy thông tin về các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk về địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, số điện thoại. Trước khi điện thoại đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bị cáo Th tìm hiểu trước về yêu cầu tiêu chuẩn để được cấp các loại giấy phép về phòng cháy, chữa cháy; vệ sinh an toàn thực phẩm; tem nhãn mác… liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của họ để thực hiện hành vi phạm tội và bắt đầu từ tháng 3 năm 2020, bị cáo sử dụng số điện thoại 0988491316, 0911469282, 0911779575 gọi điện đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, với thủ đoạn giả danh giới thiệu tên Lê Văn H là cán bộ Quản lý thị trường hoặc là Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Đắk Lắk và nói *"Vài ngày tới sẽ có đoàn kiểm tra đến kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh của anh chị, nếu muốn được giúp đỡ, bỏ qua thì gửi tiền trà nước cho đoàn kiểm tra"*. Với phương thức, thủ đoạn phạm tội trên, từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2020, bị cáo đã thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thị xã Buôn Hồ, 01 vụ tại thành phố Buôn Ma Thuột, 01 vụ tại huyện Ea H'leo, 01 vụ tại huyện Krông Bông, 01 vụ tại huyện Buôn Đôn và 01 vụ không rõ địa chỉ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể là:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 16/3/2020, bị cáo sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi điện vào số 0368108397 của ông Ngô Văn T, trú tại Buôn P, xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, kinh doanh hàng tạp hóa tại nhà. Th giới thiệu tên Lê Văn H cán bộ phòng cháy, chữa cháy Công an tỉnh Đắk Lắk, hỏi về giấy phép phòng cháy, chữa cháy của cửa hàng có không, ông T trả lời chưa có thì Th nói sẽ giúp đỡ để đoàn kiểm tra bỏ qua cho cửa hàng và giới thiệu bán sách luật về phòng cháy chữa cháy với giá 1.000.000 đồng ông T đồng ý. Mấy ngày sau, Th gửi một phong bì trắng không có tài liệu gì bên trong và không gửi sách luật cho ông T, rồi thông báo số tiền thu hộ là 1.000.000 đồng và ông T đã nộp cho nhân viên giao bưu phẩm, sau đó nhân viên giao bưu phẩm chuyển số tiền trên vào tài khoản mà Th đã đăng ký. Sau đó Th chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng mà không gửi sách cho ông T.

Vụ thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi điện thoại vào số 0947146568 của bà Châu Thị H, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, chủ kinh doanh sản xuất đồ gỗ P tại thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và giới thiệu tên H là thanh tra sở phòng cháy, chữa cháy Công an tỉnh Đắk Lắk thông báo sắp có đoàn kiểm tra cơ sở kinh doanh, nhưng cơ sở của bà chưa có giấy phép về phòng cháy, chữa cháy nên phải đi tập huấn mới được cấp giấy phép và gợi ý để bà H mua tài liệu nghiên cứu, không phải đi tập huấn với giá 1.300.000 đồng thì bà H đồng ý. Sau đó, Th gửi cho bà H 01 quyển sách tổng hợp văn bản về luật phòng cháy, chữa cháy rồi bà H nhận sách qua nhân viên giao bưu phẩm và trả số tiền thu hộ là 1.300.000 đồng. Vài ngày sau Th tiếp tục gọi điện cho bà H nói sẽ giúp đỡ bỏ qua không kiểm tra cơ sở kinh doanh của bà H nếu hỗ trợ tiền trà, nước cho đoàn kiểm tra bằng cách gửi tiền vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th (mẹ của Th), bà H đồng ý và ngày 03/4/2020, đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng tiền từ số tài khoản 6331000030xxxx của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam vào tài khoản trên cho Th qua điện thoại di động của mình.

Vụ thứ ba: Vào ngày 18/6/2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi điện thoại vào số điện thoại 0972791960 của bà Tống Thị Thanh Th, sinh năm 1985, tại Tổ dân phố Y, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chủ cơ sở kinh doanh tạp hóa tại nhà mang tên Th - Tống và giới thiệu tên H cán bộ Quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk, hỏi về các giấy tờ kinh doanh của cơ sở rồi thông báo sẽ có đoàn kiểm tra thuộc Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk đến kiểm tra cơ sở kinh doanh và nói sẽ giúp đỡ cho cơ sở kinh doanh của bà Th nếu bà hỗ trợ cho đoàn kiểm tra tiền nước bằng cách gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, bà T đồng ý và khoảng 18 giờ 25 phút cùng ngày đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản trên và hẹn khi gặp mặt sẽ đưa tiếp số tiền 500.000 đồng còn lại. Sau đó, ngày 10/7/2020, bà Th đã làm đơn tố giác gửi đến CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk.

Vụ thứ tư: Vào ngày 22/6/2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi vào số điện thoại 0972125220 của bà Trần Thị L, sinh năm 1978, trú tại khối Z, thị trấn X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, làm nghề kinh doanh rau, gia vị tại chợ thị trấn X, huyện E và giới thiệu tên H là cán bộ của tỉnh Đắk Lắk, thông báo sắp có đoàn kiểm tra, hỏi bà L có đầy đủ giấy tờ kinh doanh chưa, nói sẽ giúp đỡ cho cơ sở kinh doanh của bà L và gợi ý hỗ trợ cho đoàn kiểm tra tiền nước bằng cách gửi tiền vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, bà L đồng ý và chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng rồi gọi điện thoại báo cho Th, thì Th nói anh em đông chưa có phần của Th nên bà L tiếp tục chuyển thêm số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản trên cho Th từ số tài khoản 5207205xxxxxx của

ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện E qua điện thoại di động của mình. Tổng số tiền bà L chuyển khoản cho Th là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Vào ngày 01/7/2020, Th tiếp tục sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi vào số điện thoại 0963824330 của ông Trần Thanh Tr, sinh năm 1990, tại thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là chủ cơ sở kinh doanh bán gas tại nhà và thông báo sắp tới có đoàn đến kiểm tra cơ sở kinh doanh, Th nói sẽ giúp đỡ cho cơ sở kinh doanh của ông Tr và gợi ý hỗ trợ cho đoàn kiểm tra tiền nước bằng cách gửi số tiền 1.500.000 đồng vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, ông Tr đồng ý và đã sử dụng tài khoản số 5205205xxxxx mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện K chuyển khoản từ điện thoại di động của mình số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản trên cho Th.

Vụ thứ sáu: Vào ngày 08/7/2020, Th gọi điện thoại cho ông Lê Văn H, không rõ địa chỉ và Th cũng không nhớ số điện thoại của ông H, rồi giả danh cán bộ quản lý thị trường và nói sắp tới có đoàn kiểm tra kinh doanh của ông H, muốn giúp đỡ thì hỗ trợ tiền nước bằng cách gửi số tiền 4.000.000 đồng vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th thì ông H đồng ý và đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản trên cho Th.

Vụ thứ bảy: Vào ngày 08/7/2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0911469282 gọi điện thoại vào số điện thoại 0946034748 của ông Ung Văn L, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố X, phường A, thị xã B là chủ cửa hàng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tên L và nói sắp tới có đoàn đến kiểm tra cơ sở kinh doanh và gợi ý sẽ giúp đỡ cho cơ sở kinh doanh của ông L, nếu ông gửi tiền bồi dưỡng cho đoàn kiểm tra số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, ông L đồng ý và sáng ngày 09/7/2020 đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh B chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản trên cho Th. Ngày 10/7/2020 ông L đã làm đơn tố giác gửi đến CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk.

Vụ thứ tám: Vào ngày 14/7/2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0911779575 gọi điện thoại vào số điện thoại 0944603579 của anh Trần Minh V, sinh năm 1986, tại tổ dân phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là chủ cơ sở sản xuất bánh kem V và giới thiệu tên H là cán bộ quản lý thị trường của tỉnh Đắk Lắk nói sắp tới có đoàn đến kiểm tra cơ sở kinh doanh và hỏi anh V đã có giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm chưa, nếu không đủ giấy tờ sẽ bị phạt và gợi ý nếu muốn đoàn kiểm tra bỏ qua không xử phạt thì gửi số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, anh V đồng ý và đã nhờ em gái chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản trên cho Th, rồi gọi

điện báo cho Th nhưng không liên lạc được, khoảng 15 phút sau, Th gọi lại cho anh V nói đã nhận được tiền rồi. Ngày 17/7/2020, anh V làm đơn tố giác gửi đến CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk.

Vụ thứ chín: Vào ngày 16/7/2020, Th sử dụng điện thoại di động của mình số 0911779575 gọi điện thoại vào số điện thoại 0943004645 của bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1962, tại tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là chủ cơ sở xe đạp M và giới thiệu tên H là đội trưởng đội quản lý thị trường số 2 của Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk, nói ngày 18/7/2020 sẽ có đoàn kiểm tra xuống cơ sở kiểm tra hóa đơn chứng từ, nếu không có đầy đủ giấy phép sẽ bị phạt số tiền lớn rồi gợi ý giúp đỡ để đoàn không kiểm tra cơ sở nếu gửi số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) mang tên Hồ Thị Th, bà Ch đồng ý và đã nhờ con dâu là chị Đới Thị L, sinh năm 1991 đến chi nhánh Ngân hàng Quân Đội tại thị xã B, gửi số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản trên cho Th. Ngày 17/7/2020, bà Ch đã làm đơn tố giác gửi đến CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk.

Vụ thứ mười: Đầu tháng 7 năm 2020, Th tiếp tục sử dụng điện thoại di động của mình số 0988491316 gọi vào số điện thoại 0978665450 của bà Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1973 tại buôn M1, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là chủ tiệm tạp hóa tại nhà và giới thiệu tên H là cán bộ quản lý thị trường của tỉnh Đắk Lắk rồi hỏi bà Th: "*cơ sở buôn bán đã có đầy đủ giấy tờ chưa",* bà Th trả lời: *"cơ sở kinh doanh chưa có đủ giấy tờ*" thì Th gợi ý sẽ giúp đỡ cho bà Th rồi cho bà Th số điện thoại của mình 0972394012 nhưng nói dối đó là số điện thoại của sếp tên là Nguyễn Huỳnh Duy H để bà Th gọi điện thoại nhờ giúp đỡ. Khi bà Th gọi điện đến số điện thoại trên Th giả giọng nói chuyện với bà Th thì bà Th nhờ làm giúp giấy tờ phòng cháy chữa cháy cho bà Th và em của bà Th là chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1973, tại buôn M2, xã E, huyện B với số tiền 15.000.000 đồng có giá trị trong thời hạn 03 năm, bà Th đồng ý. Sau đó, Th gửi số tài khoản 350520528xxxx của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N, Thanh Hóa cho bà Th (thẻ ATM này Th mượn của Mai Văn M, sinh năm 1997 là bạn cùng thôn với Th). Đến ngày 26/7/2020 bà Th nhờ cháu là chị Trần Thị Thùy G, sinh năm 1999, tại buôn M2, xã E, huyện B đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T chuyển số tiền 7.000.000 đồng và ngày 27/7/2020, bà Th tiếp tục nhờ cháu G chuyển tiếp số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản trên cho Th, số tiền 5.000.000 đồng còn lại bà Th hẹn khi nào gặp trực tiếp Th sẽ đưa. Ngày 01/8/2020, bà Th và bà T đã làm đơn tố giác gửi đến CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số tiền mà bị cáo đã lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt của các bị hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020 là 35.500.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo mới chiếm đoạt được tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, hai sim, số Imei 1: 358246096819450, số Imei 2: 358246096819468, gắn sim số 0988491316; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám (đã hỏng), không gắn sim, số Imei 1: 353511101352820, số Imei 2: 353511101352838; không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Pro, màu hồng, số Imei 1: 358218094898141/01; số Imei 2: 358219094898149/01, gắn sim số 0965178107; 05 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; 04 cuốn sách tiêu đề cẩm nang an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định về sử dụng, quản lý phụ gia thực phẩm áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: xử phạt vi phạm hành chính về vệ sinh an toàn thực phẩm; 03 cuốn sách tiêu đề tổng hợp văn bản về luật phòng cháy và chữa cháy vá các biện pháp hạn chế thiệt hại cũng như kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ; 02 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy, quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 02 cuốn sách tiêu đề luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực hành chính; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay quản lý an toàn thực phẩm; 01 cuốn sách tiêu đề quy định chi tiết thi hành luật phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm cứu hộ cứu nạn của mọi người dân và doanh nghiệp cần biết; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay phòng cháy, chữa cháy quy định chi tiết về luật phòng cháy và chữa cháy; 01 tờ giấy A4 có thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th; 01 cuốn vở học sinh kích thước 210x297 cm thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th; số tiền 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imei: 355927…(các số sau bị mờ không rõ số), gắn sim số 0389110536.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSBH ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức xem thường pháp luật của Nhà nước và động cơ tư lợi cá nhân. Nên trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, bị cáo Mai Văn Th đã có hành vi giả danh cán bộ Cục quản lý thị trường, cán bộ phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk, để lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt của ông Ngô Văn T, số tiền 1.000.000 đồng; bà Châu Thị H, số tiền 1.000.000 đồng; bà Tống Thị Thanh Th, số tiền 2.000.000 đồng; bà Trần Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; ông Trần Thanh Tr, số tiền 1.500.000 đồng; ông Lê Văn H, số tiền 4.000.000 đồng; ông Ung Văn L, số tiền 2.000.000 đồng; anh Trần Minh V, số tiền 2.000.000 đồng; bà Phạm Thị Ch, số tiền 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T, số tiền 15.000.000 đồng. Nhưng bị cáo mới chiếm đoạt được tổng số

tiền 30.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Mai Văn Th từ: 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với ông Ung Văn L, ông Trần Minh V, bà Phạm Thị Ch và những bị hại khác không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 05 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; 04 cuốn sách tiêu đề cẩm nang an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định về sử dụng, quản lý phụ gia thực phẩm áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: xử phạt vi phạm hành chính về vệ sinh an toàn thực phẩm; 03 cuốn sách tiêu đề tổng hợp văn bản về luật phòng cháy và chữa cháy và các biện pháp hạn chế thiệt hại cũng như kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ; 02 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy, quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 02 cuốn sách tiêu đề luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực hành chính; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay quản lý an toàn thực phẩm; 01 cuốn sách tiêu đề quy định chi tiết thi hành luật phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm cứu hộ cứu nạn của mọi người dân và doanh nghiệp cần biết; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay phòng cháy, chữa cháy quy định chi tiết về luật phòng cháy và chữa cháy. Số sách này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên bị cáo không yêu cầu nhận lại số sách trên và sách không có giá trị sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, hai sim, số Imei 1: 358246096819450, số Imei 2: 358246096819468, gắn sim số 0988491316; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám (đã hỏng), không gắn sim, số Imei 1: 353511101352820, số Imei 2: 353511101352838; không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Pro, màu hồng, số Imei 1: 358218094898141/01; số Imei 2: 358219094898149/01, gắn sim số 0965178107.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imei: 355927…(các số sau bị mờ không rõ số), gắn sim số 0389110536 cho bà Hồ Thị Th là chủ sở hữu hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Th.

Đối với 01 tờ giấy A4 có thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th; 01 cuốn vở học sinh kích thước 210x297 cm thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th. Đây là chứng cứ liên quan đến vụ án nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Mai Văn Th tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.000.000 đồng. Đây là khoản thu lợi bất chính bị cáo Th có được do hành vi phạm tội mà có.

Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố. Bị cáo thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, bị cáo đã có hành vi giả danh cán bộ Cục quản lý thị trường, cán bộ phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk, để lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt của ông Ngô Văn T, số tiền 1.000.000 đồng; bà Châu Thị H, số tiền 1.000.000 đồng; bà Tống Thị Thanh Th, số tiền 2.000.000 đồng; bà Trần Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; ông Trần Thanh Tr, số tiền 1.500.000 đồng; ông Lê Văn H, số tiền 4.000.000 đồng; ông Ung Văn L, số tiền 2.000.000 đồng; anh Trần Minh V, số tiền 2.000.000 đồng; bà Phạm Thị Ch, số tiền 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T, số tiền 15.000.000 đồng. Nhưng bị cáo mới chiếm đoạt được tổng số tiền 30.000.000 đồng, do đó Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai

của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Tổng giá trị tài sản bị cáo muốn chiếm đoạt là 35.500.000 đồng, nhưng bị cáo mới chiếm đoạt được 30.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của các bị hại, xâm hại đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến trật tự công cộng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho ông Ung Văn L số tiền 2.000.000 đồng; cho ông Trần Minh V số tiền 2.000.000 đồng và bà Phạm Thị Ch số tiền 3.000.000 đồng, và giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T, được bị hại làm đơn bãi nại; do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án,vị trí, vai trò, tính chất hành hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Văn Th phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hình phạt áp dụng, về bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Ngoài phương thức thủ đoạn trên, từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 05 năm 2020, bị cáo Mai Văn Th còn giả danh cán bộ Quản lý thị trường, Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm và cán bộ Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy công an Tỉnh Đắk Lắk để tạo uy tín và giới thiệu bán một số sách hướng dẫn về công tác phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Th đặt mua qua mạng loại sách có nội dung các văn bản hướng dẫn về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và xử phạt vi phạm hành chính. Sau đó, Th sử dụng các số sim không đăng ký chính chủ gồm số: 0988491316, 0972394012, 0911469282, 0911779575 điện thoại giới thiệu bán cho 52 cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với giá thấp nhất 550.000 đồng, cao nhất 1.800.000 đồng/1 quyển, bằng hình thức gửi sách qua đường gửi bưu phẩm, nhân viên giao hàng sẽ thu hộ tiền bán sách. Tuy nhiên, có 41 người không đồng mua hàng nên không thanh toán tiền. Chỉ có 11 người gồm: bà Châu Thị H, chị Nguyễn Thị Nh, chị Thái Thị Mỹ H, anh Vũ Ngọc D, bà Cao Thị Ngọc L, chị Tô Thị T, anh Hồ Đình G, anh Nguyễn B, bà Bùi Thị G, bà Phạm Thị D và bà Ngô Thị H tự nguyện thỏa thuận mua sách và trả cho Th tổng số tiền là 14.450.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự do Th và 11 chủ cơ sở kinh doanh thỏa thuận mua bán sách nên Cơ quan Điều tra không xem xét xử lý gì là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Đối với anh Mai Văn M, sinh năm 1997 và bà Hồ Thị Th, sinh năm 1975, cùng trú tại Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa: Thời điểm anh M và bà Th cho bị cáo Mai Văn Th mượn sử dụng tài khoản số 3505205281635 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) thì anh M và bà Th không biết việc bị cáo Th sử dụng các tài khoản ngân hàng trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà Th và anh M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.3] Đối với chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1998, trú Thôn L, xã N, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa (vợ bị cáo Mai Văn Th). Quá trình điều tra xác định vào ngày 23/6/2020, bị cáo Th đưa thẻ ATM của bà Hồ Thị Th, số tài khoản 23301036xxxxx của Ngân hàng Quân Đội (MB) nói Ng đi rút 2.000.000 đồng trong thẻ để sử dụng. Khi rút tiền Ng không biết rõ số tiền trong tài khoản Th đưa cho Ng đi rút là do Th phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Thị Ng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về bồi thường thiệt hại:

[9.1] Quá trình điều tra, ông Ung Văn L, ông Trần Minh V, bà Phạm Thị Ch đã được bị cáo bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9.2] Đối với số tiền bị cáo Mai Văn Th đã chiếm đoạt của các bị hại Ngô Văn T, số tiền 1.000.000 đồng; bà Châu Thị H, số tiền 1.000.000 đồng; bà Tống Thị Thanh Th, số tiền 2.000.000 đồng; bà Trần Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; ông Trần Thanh Tr,

số tiền 1.500.000 đồng; ông Lê Văn H, số tiền 4.000.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bị cáo Th bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9.3] Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Mai Văn Th đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T; bị hại bà Th và bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên buộc bị cáo phải bồi thường bà Nguyễn Thị Lệ Th và Nguyễn Thị Lệ T số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

[9.4] Đối với số tiền 14.450.000 đồng, 11 chủ cơ sở kinh doanh không yêu cầu bị cáo Mai Văn Th bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 05 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; 04 cuốn sách tiêu đề cẩm nang an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định về sử dụng, quản lý phụ gia thực phẩm áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: xử phạt vi phạm hành chính về vệ sinh an toàn thực phẩm; 03 cuốn sách tiêu đề tổng hợp văn bản về luật phòng cháy và chữa cháy và các biện pháp hạn chế thiệt hại cũng như kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ; 02 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy, quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 02 cuốn sách tiêu đề luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực hành chính; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay quản lý an toàn thực phẩm; 01 cuốn sách tiêu đề quy định chi tiết thi hành luật phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm cứu hộ cứu nạn của mọi người dân và doanh nghiệp cần biết; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay phòng cháy, chữa cháy quy định chi tiết về luật phòng cháy và chữa cháy. Số sách này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên bị cáo không yêu cầu nhận lại số sách trên và sách không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, hai sim, số Imei 1: 358246096819450, số Imei 2: 358246096819468, gắn sim số 0988491316; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám (đã hỏng), không gắn sim, số Imei 1: 353511101352820, số Imei 2: 353511101352838; không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Pro, màu hồng, số Imei 1: 358218094898141/01; số Imei 2: 358219094898149/01, gắn sim số 0965178107. Đây là những công cụ có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

[10.3] Đối với 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imei: 355927…(các số sau bị mờ không rõ số), gắn sim số 0389110536, cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại cho bà Hồ Thị Th là chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 30/11/2020. Xét thấy việc giao trả là phù hợp với khoản 2 Điều

47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10.4] Đối với 01 tờ giấy A4 có thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th; 01 cuốn vở học sinh kích thước 210x297 cm thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th. Đây là chứng cứ liên quan đến vụ án nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10.5] Đối với số tiền 13.000.000 đồng mà bị cáo Th đã chiếm đoạt của các bị hại là ông Ngô Văn T, số tiền 1.000.000 đồng; bà Châu Thị H, số tiền 1.000.000 đồng; bà Tống Thị Thanh Th, số tiền 1.500.000 đồng; bà Trần Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; ông Trần Thanh Tr, số tiền 1.500.000 đồng; ông Lê Văn H, số tiền 4.000.000 đồng. Các bị hại này không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng xét thấy đây là khoản thu lợi bất chính mà bị cáo có được do hành vi phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo Mai Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn Th (tên gọi khác: Lê Văn H) phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn Th 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn bị bắt tam giữ, tạm giam từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 31/10/2020.

- Về bồi thường thiệt hại: *Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.*

Buộc bị cáo Mai Văn Th phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 5.000.000 đồng, và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ Th số tiền 5.000.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ và được nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số 0001871 ngày 23/12/2020. Bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Mai Văn Th để nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.000.000 đồng. Đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

- Về xử lý vật chứng: *Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự*

Tich thu tiêu hủy 05 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; 04 cuốn sách tiêu đề cẩm nang an toàn vệ sinh thực phẩm, quy định về sử dụng, quản lý phụ gia thực phẩm áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: xử phạt vi phạm hành chính về vệ sinh an toàn thực phẩm; 03 cuốn sách tiêu đề tổng hợp văn bản về luật phòng cháy và chữa cháy và các biện pháp hạn chế thiệt hại cũng như kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ; 02 cuốn sách tiêu đề luật phòng cháy và chữa cháy, quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 02 cuốn sách tiêu đề luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực hành chính; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay quản lý an toàn thực phẩm; 01 cuốn sách tiêu đề quy định chi tiết thi hành luật phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm cứu hộ cứu nạn của mọi người dân và doanh nghiệp cần biết; 01 cuốn sách tiêu đề sổ tay phòng cháy, chữa cháy quy định chi tiết về luật phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, hai sim, số Imei 1: 358246096819450, số Imei 2: 358246096819468, gắn sim số 0988491316; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xám (đã hỏng), không gắn sim, số Imei 1: 353511101352820, số Imei 2: 353511101352838; không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Pro, màu hồng, số Imei 1: 358218094898141/01; số Imei 2: 358219094898149/01, gắn sim số 0965178107.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại cho bà Hồ Thị Th là chủ sở hữu hợp pháp 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imei: 355927…(các số sau bị mờ không rõ số), gắn sim số 0389110536, theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 30/11/2020.

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với 01 tờ giấy A4 có thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th; 01 cuốn vở học sinh kích thước 210x297 cm thể hiện tên, số điện thoại, địa chỉ của các cơ sở kinh doanh có chữ ký của Th.

(Đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/12/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự thị xã B với Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Buôn Hồ và vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ quản lý).

- Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Mai Văn Th phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- THA phạt tù;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm